



Thứ năm, ngày 25 tháng 10 năm 2018

Vietnam Daily Review

Kiểm tra đáy

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 26/10/2018		•	
Tuần 22/10-26/10/2018		•	
Tháng 10/2018		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index biến động giảm sâu ở phiên sáng, ở phiên chiều, chỉ số giảm nhẹ hơn.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm MSN (+0.91 điểm); PLX (+0.61 điểm); NVL (+0.458 điểm); NT2 (+0.06 điểm); TCH (+0.05 điểm)
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm VHM (-3.38 điểm); VIC (-2.01 điểm); BID (-1.51 điểm); VNM (-1.43 điểm); VCB (-0.79 điểm)
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu vật liệu xây dựng và dầu khí, thanh khoản tăng so với phiên trước.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 3,596.7 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 26,73 điểm. Thị trường có 67 mã tăng và 222 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index giảm 12.56 điểm, đóng cửa tại 910.17 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index giảm 0.63 điểm xuống 103.1 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng 161.86 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã MSN (57.69 tỷ), HPG (56.83 tỷ) và VNM (24.24 tỷ). Tuy nhiên, họ đã bán ròng 13.38 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Trong phiên sáng, chỉ số VN-Index đã có mức giảm sâu ngay từ đầu phiên xuống mức thấp nhất 885.34. Tuy nhiên sau đó lực đỡ xuất hiện từ giữa phiên khiến đà giảm thu hẹp, với lực bán mạnh xuất hiện ở nhóm cổ phiếu bất động sản (VHM, VIC), ngân hàng (BID, VCB, TCB, CTG) và nhóm dầu khí (GAS, PLX). Trong phiên chiều, lực bắt đáy tăng mạnh khiến chỉ số thị trường phục hồi và có mức giảm nhẹ hơn ở cuối phiên. Đặc biệt là các mã cổ phiếu NVL, PLX, MSN và TCH đều quay đầu hỗ trợ thị trường và GAS quay về tham chiếu. Khối ngoại vẫn tiếp tục bán ròng. Trên quan điểm của BSC, thị trường phiên hôm nay tiếp tục vận động trong vùng nhạy cảm, kiểm tra đáy với thanh khoản tiếp tục suy yếu, tâm lý thị trường vẫn bị ảnh hưởng bởi đà lao dốc từ thị trường Mỹ và các thị trường khu vực. BSC dự báo thị trường tiếp tục sẽ vận động tích lũy xung quanh mức 900 điểm ở các phiên sau.

Phân tích kỹ thuật:

PLX_Chạm ngưỡng hỗ trợ

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX 910.17

Giá trị: 3596.7 tỷ **-12.56 (-1.36%)**

Khối ngoại (ròng): -116.75 tỷ

HNX-INDEX 103.10

Giá trị: 614.56 tỷ **-0.63 (-0.61%)**

Khối ngoại (ròng): 205.28 tỷ

UPCOM-INDEX 51.29

Giá trị: 51.29 tỷ **-0.22 (-0.43%)**

Khối ngoại (ròng): 6.1 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	66.7	-0.15%
Giá vàng	1,233	-0.09%
Tỷ giá USD/VND	23,350	0.02%
Tỷ giá EUR/VND	26,642	0.15%
Tỷ giá JPY/VND	20,783	-0.09%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	4.6%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
BID	40.6	VNM	54.3
SBT	34.9	VJC	29.5
SSI	12.6	VHC	28.5
DXG	9.3	HPG	24.0
HCM	4.7	VCB	13.5

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Danh mục khuyến nghị	Trang 3
Cổ phiếu lớn	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

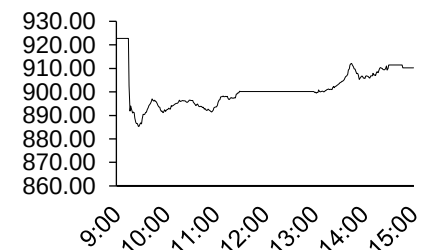
Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
MSN	6.9	77.5	75	82	MUA MẠNH	Giảm giá kéo dài
SSI	4.9	28.0	28	33	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
MBB	4.8	21.0	20	24	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
PVS	4.6	19.1	19	21	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
VCB	4.1	54.8	53	65	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
HDB	3.5	34.3	33	40	NGỪNG MUA	Giảm giá kéo dài
VJC	3.3	126.0	123	154	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
STB	3.3	12.6	12	14	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
NVL	3.0	74.5	63	78	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
PNJ	2.9	94.9	94	110	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài

Lê Quốc Trung

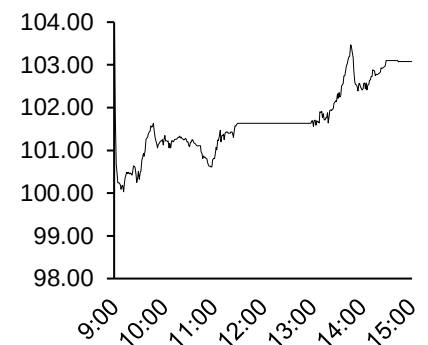
trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1811	886.5	0.2%	13.9%
VN30F1812	886.0	-0.3%	-19.0%
VN30F1903	887.3	-0.3%	-86.3%
VN30F1906	885.9	-0.6%	-47.1%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	78	3.3	2.1
NVL	75	2.2	0.8
PLX	57	2.7	0.3
GAS	102	0.0	0.0
ROS	38	0.0	0.0

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	97	-2	-2.0
VNM	120	-2	-1.9
VPB	22	-2	-1.6
MWG	113	-3	-1.2
VRE	36	-2	-0.8

Phân tích kỹ thuật

PLX_Chạm ngưỡng hỗ trợ

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Giảm giá trung hạn, hồi phục ngắn hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Dưới mức 0
- Chỉ báo RSI: Chạm Bollinger dưới
- Đường MA: MA 20 và MA 50 nằm dưới MA 100

Nhận định: PLX là cổ phiếu ngành Dầu khí đang nằm trong xu hướng giảm giá trung hạn, hồi phục ngắn hạn. Chỉ báo RSI vừa chạm Bollinger dưới, chỉ báo MACD duy trì ở dưới mức 0 và việc các đường MA 20 MA 50 nằm dưới MA 100 cho thấy PLX đang trong xu hướng giảm giá trung hạn. Tuy nhiên, khối lượng giao dịch trong phiên hôm nay tăng kết hợp với giá cổ phiếu PLX đã phản ứng mạnh khi gặp vùng hỗ trợ tại mức giá 54.2 cho thấy nhiều khả năng PLX sẽ tích lũy quanh ngưỡng hỗ trợ này trước khi đi theo xu hướng mới.

Created with Amibroker - advanced charting and technical analysis software. <http://www.amibroker.com>

Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	REE	20/7/2018	32.70	32.00	-2.1%	30.1	37.6
2	HT1	22/8/2018	12.60	12.00	-4.8%	11.6	14.5
3	HBC	26/9/2018	25.20	21.75	-13.7%	23.2	29.0
4	PTB	10/4/2018	64.00	60.40	-5.6%	58.9	73.6
Trung bình					-6.9%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá	Giá hiện tại	Hiệu suất	Dừng	Mục
1	MBB	27/4/2015	13.8	21.00	52.2%	34.4	37.1
2	HPG	28/10/2016	25.5	39.00	53.1%	24.2	43.5
3	HCM	18/09/2017	41.9	54.00	28.9%	39.8	60.0
Trung bình					44.7%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá	Giá hiện tại	Hiệu suất	Dừng	Mục
1	PVT	23/06/2016	11.1	16.9	51.8%	17.0	22.7
2	ACB	2/2/2018	32.4	28.9	-10.8%	30.8	45.0
3	PNJ	21/08/2018	105.0	94.9	-9.6%	95.0	125.0
Trung bình					10.5%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	113.0	-3.0%	0.6	1,586	2.9	8,472	13.3	4.9	49.0%	43.9%	
PNJ	Bán lẻ	94.9	-1.1%	0.9	669	2.9	5,428	17.5	4.5	49.0%	30.0%	
BVH	Bảo hiểm	92.9	-0.1%	1.5	2,831	0.6	1,831	50.7	4.3	24.8%	8.5%	
PVI	Bảo hiểm	31.9	-3.0%	0.8	321	0.1	2,265	14.1	1.1	43.9%	6.7%	
VIC	Bất động sản	96.8	-2.0%	1.1	13,433	1.7	1,292	74.9	6.9	9.9%	11.2%	
VRE	Bất động sản	35.6	-1.7%	1.1	2,943	2.4	791	45.0	2.6	31.4%	5.7%	
NVL	Bất động sản	74.5	2.2%	0.8	2,939	3.0	2,256	33.0	4.0	8.0%	13.7%	
REE	Bất động sản	32.0	-2.3%	1.1	431	0.9	5,319	6.0	1.2	49.0%	20.9%	
DXG	Bất động sản	25.4	-4.3%	1.5	386	2.7	3,042	8.3	1.9	47.5%	25.9%	
SSI	Chứng khoán	28.0	-1.1%	1.3	608	4.9	3,046	9.2	1.5	57.1%	14.4%	
VCI	Chứng khoán	52.7	-4.2%	1.0	373	0.3	4,289	12.3	2.8	41.3%	30.5%	
HCM	Chứng khoán	54.0	-1.1%	1.3	304	0.6	6,094	8.9	2.4	61.9%	29.3%	
FPT	Công nghệ	41.1	-1.8%	0.9	1,095	1.3	5,094	8.1	2.1	49.0%	28.6%	
FOX	Công nghệ	51.0	-1.9%	0.4	501	0.0	3,453	14.8	3.8	0.2%	26.5%	
GAS	Dầu khí	101.8	0.0%	1.5	8,471	2.4	6,473	15.7	4.6	3.6%	30.6%	
PLX	Dầu khí	57.3	2.7%	1.5	2,887	2.4	3,254	17.6	3.5	11.0%	18.3%	
PVS	Dầu khí	19.1	3.2%	1.8	371	4.6	1,620	11.8	0.8	19.9%	6.8%	
BSR	Dầu khí	15.9	0.0%	0.8	2,143	1.7	#N/A	N/A	#N/A	N/A	35.9%	23.0%
DHG	Dược	85.2	-2.1%	0.5	484	0.2	4,037	21.1	3.8	49.4%	18.3%	
DPM	Hóa chất	17.5	-0.8%	1.0	298	0.3	1,492	11.7	0.9	21.0%	8.1%	
DCM	Hóa chất	9.5	-2.6%	0.6	218	0.3	790	12.0	0.8	4.0%	6.6%	
VCB	Ngân hàng	54.8	-1.3%	1.4	8,572	4.1	3,360	16.3	3.2	20.8%	20.9%	
BID	Ngân hàng	31.2	-4.3%	1.7	4,638	6.2	2,329	13.4	2.1	2.7%	16.7%	
CTG	Ngân hàng	23.0	-0.9%	1.6	3,723	4.7	2,085	11.0	1.3	30.0%	12.2%	
VPB	Ngân hàng	21.6	-2.5%	1.2	2,307	5.2	2,663	8.1	1.9	23.2%	26.9%	
MBB	Ngân hàng	21.0	-0.2%	1.3	1,973	4.8	2,366	8.9	1.4	20.0%	17.4%	
ACB	Ngân hàng	28.9	-1.4%	1.2	1,567	6.3	3,498	8.3	2.0	34.1%	21.7%	
BMP	Nhựa	55.7	-1.6%	0.8	198	0.4	5,642	9.9	1.9	77.4%	19.6%	
NTP	Nhựa	43.0	-4.4%	0.4	167	0.0	3,938	10.9	1.8	23.1%	16.6%	
MSR	Tài nguyên	20.5	0.0%	1.2	802	0.0	229	89.6	1.6	2.6%	1.8%	
HPG	Thép	39.0	-0.5%	0.9	3,601	12.0	4,210	9.3	2.3	39.4%	30.1%	
HSG	Thép	9.7	-2.0%	1.4	162	1.9	1,861	5.2	0.7	19.5%	14.0%	
VNM	Tiêu dùng	120.0	-2.1%	0.6	9,086	6.0	5,065	23.7	8.0	59.0%	34.9%	
SAB	Tiêu dùng	222.0	0.0%	0.8	6,190	0.3	7,082	31.3	9.1	9.8%	31.2%	
MSN	Tiêu dùng	77.5	3.3%	1.1	3,919	6.9	5,370	14.4	4.8	38.1%	32.2%	
SBT	Tiêu dùng	20.6	-0.5%	0.8	444	1.8	1,041	19.8	1.7	9.7%	11.3%	
ACV	Vận tải	80.0	-0.5%	0.8	7,573	0.4	1,883	42.5	6.4	3.6%	15.9%	
VJC	Vận tải	126.0	-0.6%	1.1	2,967	3.3	9,463	13.3	6.4	24.0%	67.1%	
HVN	Vận tải	32.6	-2.1%	1.7	1,769	0.9	1,727	18.9	2.7	9.2%	14.6%	
GMD	Vận tải	25.1	-0.4%	0.9	324	1.2	6,218	4.0	1.2	20.4%	30.1%	
PVT	Vận tải	16.9	0.3%	0.8	206	0.1	2,168	7.8	1.3	34.2%	17.2%	
VCS	Vật liệu xây dựng	73.8	2.5%	1.1	513	1.2	5,620	13.1	4.2	2.6%	43.2%	
VGC	Vật liệu xây dựng	15.5	-1.3%	0.9	302	1.5	1,309	11.8	1.1	24.7%	9.0%	
HT1	Vật liệu xây dựng	12.0	0.8%	0.7	199	0.3	1,599	7.5	0.9	4.9%	12.2%	
CTD	Xây dựng	144.0	-0.7%	0.8	490	0.3	20,202	7.1	1.4	44.3%	21.1%	
VCG	Xây dựng	18.8	1.1%	1.4	361	1.2	2,715	6.9	1.3	10.8%	19.2%	
CII	Xây dựng	23.6	-3.7%	0.6	251	0.7	(39)	#N/A	N/A	1.2	54.4%	-0.2%
POW	Điện	13.8	0.7%	0.6	1,405	1.0	1,026	13.5	1.2	71.8%	9.1%	
NT2	Điện	24.4	3.0%	0.7	305	0.7	2,874	8.5	1.9	21.4%	19.8%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSN	77.50	3.33	0.92	2.12MLN
PLX	57.30	2.69	0.61	1.02MLN
NVL	74.50	2.19	0.46	936470.00
NT2	24.35	2.96	0.06	699080.00
TCH	20.70	2.48	0.06	1.71MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	68.50	-5.52	-3.39	479440.00
VIC	96.80	-2.02	-2.02	404050.00
BID	31.20	-4.29	-1.51	4.59MLN
VNM	120.00	-2.12	-1.43	1.15MLN
VCB	54.80	-1.26	-0.80	1.74MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HAS	8.56	7.00	0.00	26120.00
FIR	20.10	6.91	0.01	800.00
DXV	3.88	6.89	0.00	1450.00
D2D	73.00	6.88	0.02	53990.00
HLG	8.94	6.81	0.01	1510.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NAV	6.66	-6.98	0.00	1030.00
UDC	4.27	-6.97	0.00	5020.00
RIC	6.14	-6.97	0.00	32350.00
DPG	44.10	-6.96	-0.03	181040.00
TMT	10.05	-6.94	-0.01	15640.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	19.10	3.24	0.14	5.92MLN
VCS	73.80	2.50	0.06	388200.00
PGS	33.00	4.10	0.04	800.00
NVB	9.40	1.08	0.03	1.20MLN
PTI	16.40	7.89	0.03	3900.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	28.90	-1.37	-0.51	5.15MLN
SHB	7.70	-1.28	-0.11	8.52MLN
DGC	43.60	-7.23	-0.07	158700.00
NTP	43.00	-4.44	-0.06	1400.00
PVI	31.90	-3.04	-0.05	72500.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

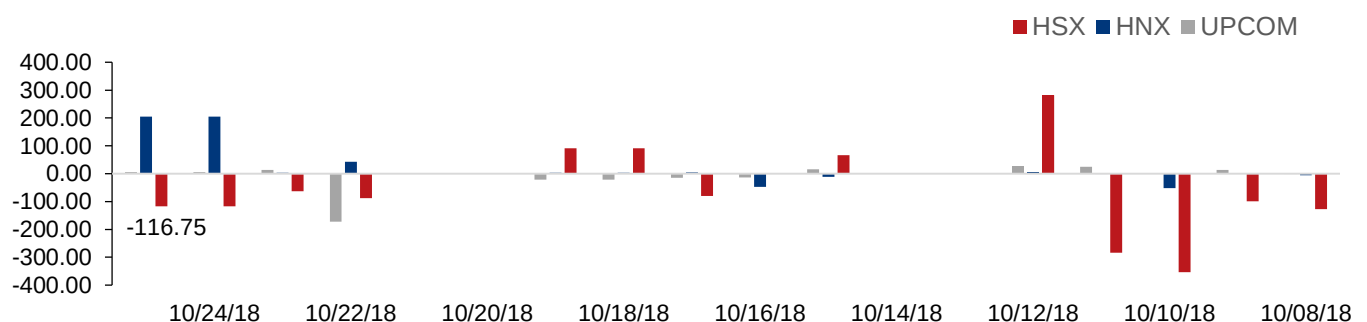
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SCJ	3.30	10.00	0.01	2000.00
TKU	11.00	10.00	0.00	100.00
DIH	15.50	9.93	0.00	1400.00
VNC	44.30	9.93	0.02	241600.00
SEB	31.20	9.86	0.01	400.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.80	-11.11	-0.01	842700.00
VNT	28.70	-9.75	-0.01	100.00
STP	5.80	-9.38	0.00	2200.00
PPY	13.00	-9.09	0.00	700.00
SPI	1.00	-9.09	0.00	177400.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
5	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
6	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
8	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
9	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11	Phân tích vĩ mô		Click	
10	Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
13	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
17	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	14.7	157	93.5	1.3	Click	
2	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	24.4	2,874	8.5	1.9	Click	
3	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	13.8	1,003	13.7	1.1	Click	
4	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	25.0	-2,092	#N/A N/A	2.0	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	28.9	3,498	8.3	2.0	Click	
6	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	37.4	5,746	6.5	1.2	Click	
7	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	14.6	1,035	14.1	1.3	Click	
8	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	16.9	2,168	7.8	1.3	Click	
9	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	39.0	4,210	9.3	2.3	Click	
10	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	25.4	3,042	8.3	1.9	Click	
11	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	16.2	3,200	5.1	1.1	Click	
12	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	33.0	5,765	5.7	1.8	Click	
13	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	41.1	5,094	8.1	2.1	Click	
14	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	54.8	3,360	16.3	3.2	Click	
15	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	19.1	1,620	11.8	0.8	Click	
16	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	21.0	2,366	8.9	1.4	Click	
17	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	144.0	20,202	7.1	1.4	Click	
18	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	4.9	-697	#N/A	0.3	Click	
19	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	91.0	18,132	5.0	1.4	Click	
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	94.9	5,428	17.5	4.5	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

